

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HSPT

Ngày: 27 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lâm Văn Năm**

2/ Bà **Đặng Duy Mỹ Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vĩnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/HSPT ngày 27/4/2023 đối với bị cáo, bị hại Lê Hữu L. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại Lê Hữu L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo, bị hại có kháng cáo:

Lê Hữu L, sinh năm 1995; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: số 157A, đường 14/9, khóm 6, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Tu; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu L là: bà **Lôi Thị D** – Luật sư của Văn phòng luật sư **Lôi Thị D**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo, bị hại có liên quan đến kháng cáo:

Trương Thành T, sinh năm 1995; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: số 220/12 ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn:

8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thanh T và bà Bùi Thị Kim D; vợ Trần Ánh T; có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang chấp hành án theo 13/2023/HS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Bùi Thị Kim H, sinh năm 1968 (có mặt)
Nơi cư trú: số 221/12 ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
2. Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1986 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
3. Bùi Thị Hương L, sinh năm 1995 (vắng)
Nơi cư trú: số 223/12 ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
4. Trần Anh T, sinh năm 1990 (vắng)
Nơi cư trú: Số 57B N, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long
5. Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1990 (vắng)
Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
6. Trương Thị Thu H1, sinh năm 1980 (có mặt)
Nơi cư trú: số 220A/12, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
7. Trương Ngọc T, sinh năm 2003 (có mặt)
Nơi cư trú: số 220B/12, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
8. Trương Thị Thu H2, sinh năm 1980 (có mặt)
Nơi cư trú: số 220B/12, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27/3/2022, Lê Hữu L cùng với Bùi Thị Hồng N đến nhà của Bùi Thị Kim H tại số 221/12, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, Trương Thị Thu H1 đến nhà của H để nói chuyện về việc tranh chấp ranh đất với N thì giữa H và N xảy ra xô xát đánh nhau. Lúc này có Trương Thị Thu H2, Trương Ngọc T, Huỳnh Ngọc D đến xem có việc gì. L thấy N bị đánh nên từ trên thềm nhà của H bước xuống đến can ngăn, xô đẩy H1 ra. Lúc này bị cáo Trương Thành T đang ở nhà nhìn thấy L xô đẩy H1 nên chạy đến dùng tay đẩy L ra. L bước lên thềm nhà của H lấy con dao (Loại dao cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm) đang để trên bàn đá bước xuống chém trúng tay phải của T. T bỏ chạy sang nhà của Bùi Thị Hương L tìm vật dụng đánh trả L. H1 và H2 thấy L cầm dao đe dọa những người có mặt tại hiện trường nên cùng nhau giữ tay của L ngăn cản L tiếp

tục chém T. Từ trong bếp của L, T lấy 01 con dao (Loại dao có cán màu xanh dài 08cm, lưỡi bằng kim loại dài 07cm) chạy ra ngoài. Lan nhìn thấy T cầm dao nên la lớn “T cầm dao kia”. T chạy đến vị trí của L dùng dao đâm vào vùng xương đòn trái của L thì dao bị gãy nên T buông bỏ đồng thời giật lấy con dao từ tay của L thì H1 và H2 buông L ra. T liên tục chém trúng phần vai phải, thái dương phải và cẳng chân trái của L. Sau đó thì T dừng lại và đi về nhà.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 98/2020/TgT ngày 16/6/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Hữu L là 21%.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 100/2020/TgT ngày 15/6/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trương Thành T là 03%.

Quá trình điều tra, Lê Hữu L và Trương Thành T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Lê Hữu L yêu cầu Trương Thành T bồi thường tổng số tiền 243.481.625đ (Trong đó: Chi phí nằm viện và điều trị: 20.081.625đ; Tổn thất tinh thần: 89.400.000đ; Chi phí thuê người nuôi trong 02 tháng: 12.000.000đ; Mất thu nhập do bị tổn hại sức khỏe 06 tháng: 54.000.000đ; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 03 tháng: 18.000.000đ; Kinh phí dự trù điều trị hậu tổn thương: 50.000.000đ). Trương Thành T đã tự nguyện nộp bồi thường cho Lê Hữu L 13.000.000đ (Trong đó, tiền điều trị vết thương là 10.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 3.000.000đ).

Trương Thành T yêu cầu Lê Hữu L bồi thường tổng số tiền 202.000.000đ (Trong đó: Chi phí đi lại và điều trị: 10.000.000đ; Tổn thất tinh thần: 120.000.000đ; Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 12 tháng: 72.000.000đ). Lê Hữu L chưa bồi thường.

Tại bản án sơ thẩm số: 13/2023/HSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trương Thành T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; quyết định về bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/3/2023, bị cáo, bị hại Lê Hữu L có đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để khởi tố bị cáo T về tội Giết

người cùng với bà H1, bà T, bà H2 là đồng phạm vì đã giúp sức cho T có điều kiện chém L.

- Yêu cầu xóa bỏ tội danh Cố ý gây thương mà bị cáo gây ra cho Trương Thành T. Yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tích mà bị cáo T gây ra cho L tại Trung tâm pháp y trung ương chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu tăng tiền bồi thường với tội danh giết người của T và đồng phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại L xác định kháng cáo như sau: Bị cáo L rút lại kháng cáo không yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu xóa bỏ tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo L, xác định bị cáo Trương Thành T phạm tội “Giết người” xác định H1, H2, T là đồng phạm trong vụ án.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa bị cáo L xác định vết thương của bị cáo T là do L gây ra bằng con dao với tỷ lệ thương tích 03%, tại phiên tòa bị hại T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ đúng người, đúng tội. Đối với kháng cáo cho rằng H1, H2, T là đồng phạm là không có căn cứ vì khi L đuổi theo T những người này giữ L lại để can ngăn là có căn cứ.

Đối với kháng cáo chuyển tội danh “Giết người” đối với bị cáo T là không có căn cứ vì giữa T và L không có mâu thuẫn, T không mong muốn tước đoạt mạng sống của L.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại L, giữ nguyên án sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu L 09 (Chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo L phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trong phần tranh luận kiểm sát viên đề nghị giảm 03 tháng tù cho bị cáo Trương Thành T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày:

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, hủy án sơ thẩm và chuyển tội danh bị cáo T từ tội “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” và yêu cầu xem xét hành vi đồng phạm của H1, T, H2 trong vụ án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo L đề nghị hủy án sơ thẩm

Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại Lê Hữu L đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo, bị hại L cho rằng bị cáo không phạm tội, bị cáo chỉ vô tình gây thương tích cho T.

Thấy rằng, căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Hữu L, cũng như lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có căn cứ xác định bị cáo L là người chém T trước, gây vết thương 1/3 giữa cánh tay phải dài khoảng 10cm sâu khoảng 02cm làm rách áo bị hại T, sau khi chém xong bị cáo L còn thách thức “ai có ngon thì ra đây chém lộn với tao”. Bị cáo L cho rằng chỉ can ngăn vô tình quơ trúng T, chứ không cố ý, tuy nhiên bị cáo L vẫn xác định vết thương của T do bị cáo L gây ra bằng hung khí là con dao. Do đó, có căn cứ xác định thương tích của T là do bị cáo L gây nên. Con dao là hung khí nguy hiểm, vết thương của T là 03%, bị hại T có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo L (BL 144), căn cứ Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự, khởi tố theo yêu cầu của bị hại, do đó các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định pháp luật, tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị hại T không rút yêu cầu khởi tố. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L về tội “Cố ý gây thương tích” theo qui định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị cáo, bị hại Lê Hữu L cho rằng có đồng phạm là H1, T, H2 vì bà H1, T, H2 có hành vi giúp sức giữ tay L cho bị cáo T chém L. Thấy rằng, nguyên nhân xảy ra xô xát ban đầu là từ H1 và N, H1 đánh N bằng tay, không dùng hung khí gì, nhưng L xông vào can ngăn, T cũng vào can ngăn, ban đầu tất cả đều không sử dụng hung khí, nhưng sau đó L lấy con dao để trên bàn đá chém trúng tay T, lúc này T, H2 giữ tay L đang cầm dao ngăn cản không cho L chém người khác là phù hợp vì lúc này T đã bị L chém và chạy đi và lúc này L cũng chưa bị T chém.

Tại phiên tòa, L xác định khi T chém L thì H1, H2 đã buông tay L ra và L cũng xác định là H1 và H2 nắm tay L khi L đang đứng. Bà H là người làm chứng xác định L bị H1, H2, T nắm tay khi L bị té nằm xuống. Lời khai của bà H trước sau không thống nhất, cũng không phù hợp với lời khai của L. Có lúc bà H cho rằng T có cầm dao đâm L, có lúc cho rằng T chỉ giữ tay L, do đó lời khai của bà H không được xem là chứng cứ giải quyết vụ án. H1, H2, T xác định không có giữ tay L cho bị cáo T chém, chỉ ngăn cản không cho L dùng dao chém người khác.

Từ những căn cứ trên không đủ căn cứ xác định trong vụ án có đồng phạm như L trình bày.

Đối với kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra bị cáo T về tội danh

“Giết người” là không có căn cứ. Bị cáo T có chém L, nguyên nhân L chém bị cáo T trước và thách thức, bị cáo T có chém L nhiều nhất, nhưng các vết thương không nguy hiểm đến tính mạng, không nhằm tước đi mạng sống của L, khi mọi người can ngăn T đã dừng lại.

Đối với tỷ lệ thương tích: Tại phiên tòa phúc thẩm, L đã đồng ý với kết quả giám định lại tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/23/TgT ngày 31/10/2023 của Viện pháp y quốc gia, phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ thương tích là 18%.

Đối với yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại, thấy rằng: do tại phiên tòa phúc thẩm, L tự nguyện rút lại yêu cầu tăng tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ các nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại Lê Hữu L.

[3] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

Lời bào chữa của luật sư là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại L, nên bị cáo, bị hại L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. .

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại Lê Hữu L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu L 09 (Chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hữu L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HLH: 02;
- CQTHADS HLH: 01;
- CQTHAHS HLH: 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL, STP: 02;
- UBND phường 5: 01;
- UBND xã H: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên